TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 292/2024/HC-PT Ngày 15 tháng 4 năm 2024 V/v Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường Thanh Bình và Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phạm Trí Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1132/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T và Quyết định giải quyết khiếu nại số 5169/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 541/2024/QĐPT-HC ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Liêu Thị Long X, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: H H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (vắng mặt)

Địa chỉ: I H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: D N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ông Bành Phi H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Liêu Thị Long X, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: H H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Liêu Thị Long X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện – bà Liêu Thị Long X trình bày:

Bà là chủ sở hữu căn nhà số H (84 số cũ), đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, thuộc thửa đất số 9 tờ bản đồ địa chính số 1 phường T. Nguồn gốc căn nhà này do ông Trần N xây dựng từ năm 1957 với diện tích 141 m^2. Ngày 05/3/1984 T2 xây dựng tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 0273/CN-SHN. Theo tài liệu còn lưu giữ trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà thì thửa đất kèm theo căn nhà này có tổng diện tích là 141m^2 (Với diện tích chiều ngang rộng 4 mét, chiều dài khoảng 35,2 m), theo chứng từ: Bản kê khai với tổng diện tích 141 m^2, được thuê sử dụng từ ngày 24/12/1957; Tờ chia nhà do Ủy ban hành chánh xã B (B) xác nhận ngày 13/4/1966. Ông Trần N đăng ký và được UBND tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số: 4701010223 ngày 7/10/1998 với diện tích là 131 m^2 (Bị giảm 10 m^2 so với tổng diện tích cũ là 141m^2 của thời điểm 1984). Nguyên nhân diện tích giảm là do trong quá trình cán bộ đo đạc lập bản đồ địa chính không chính xác phần ranh giới diện tích đất của sân trước nhà tiếp giáp với đường H – chưa tiếp giáp đến chỉ giới giao thông. Do vậy cán bộ đo đạc không ghi nhận phần diện tích sân trước nhà vào bản đồ mà chỉ tính từ ranh xây căn nhà cấp 4 trở vào bên trong thửa đất và phần diện tích bị sai lệch giảm 10 m^2 trước sân nhà vẫn do ông Trần N quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1957 đến nay.

Năm 2017, khi bà làm thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận chủ quyền và được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận số vào sổ CH0790 ngày 29/3/2018, cấp cho bà diện tích đất 138,4m^2. Tuy nhiên trong đó thu tiền sử dụng đất của bà đối với 7,4m2 với số tiền là : 144.300.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm ngàn đồng). Như vậy là không đúng với quy định của pháp luật, vì quá trình sử dụng căn nhà 86 H từ năm 1957 cho đến nay diện tích vẫn là

141m^2. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng bị 2 hộ liền kề lấn chiếm nên còn lại 138,4m^2 đất . Do đó việc cấp giấy chứng nhận cho bà 138,4m^2 là đúng theo hiện trạng sử dụng ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm hành lan giao thông, không thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất. Tất cả các hộ trên đoạn đường H đều được cấp Quyền sử dụng đất thể hiện đúng với chỉ giới giao thông.

Ngày 22/03/2017 Chủ tịch UBND phường T (bà Nguyễn Kim Bích H1) đã cố ý đã xác nhận sai phần diện tích theo hiện trạng đo đạc tăng thêm 7,4m^2 trước đây với nội dung là: "Thuộc đường H, sau khi thực hiện quy hoạch và nâng cấp đường, phần đất này dư ra nằm ngoài chỉ giới giao thông". Nên bà H1 đã xác nhận sai và đề xuất: "Phần đất dư ra sau khi thực hiện quy hoạch có ranh giới dích dắc, hình thù hẹp nằm trước mặt tiền hộ gia đình nên thường xuyên bị sử dụng sai mục đích, UBND phường kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét cấp bổ sung, thu tiền sử dụng đất nhằm tránh thất thoát tài nguyên đất đai trên địa bàn".

Việc xác nhận như vậy là cố ý gây hiểu sai, toàn bộ hành lang đường Hưng Đạo Vương đã ổn định mấy chục năm, không nâng cấp, không quy hoạch mở rộng có hình thù dịch dắc như bà Chủ tịch xác nhận. Do đó bà X khiếu nại và được giải quyết như sau: Ngày 19/11/2018 Chủ tịch UBND phường T ra Quyết định số 129/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Liêu Thị Long X (lần đầu), bác nội dung đơn khiếu nại của bà.

Ngày 06/12/2018 bà tiếp tục làm đơn khiếu nại (lần 2) gửi Chủ tịch UBND thành phố B và Thanh tra thành phố B. Ngày 27/12/2019 Chủ tịch UBND thành phố B ra quyết định số 5169/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của bà Liêu Thị Long X, nội dung: Bác nội dung đơn khiếu nại của bà X.

Bà không được nhận Quyết định này ngay thời gian ghi trong Quyết định. 3 (ba) tháng sau bà mới được nhận Quyết định số 5169/QĐ-UBND từ 01 cán bộ Ủy ban nhân dân phường đưa cho bà không ký nhận. Thời gian này bà bị stress, trầm cảm và phải điều trị bệnh tâm thần kéo dài nên không thể thực hiện quyền khiếu nại hay khởi kiện. Do đó nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Quyết định số 5169/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

- Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T trình bày:

Ngày 02/10/2018 Ủy ban nhân dân phường T nhận đơn khiếu nại của bà Liêu Thị Long X. Nội dung đơn: bà X khiếu nại hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T đối với việc xác nhận tình trạng tranh chấp đất đai,

tài sản gắn liền với đất trong mục 5, mẫu 4a/ĐK đối với thửa đất số 9 tờ bản đồ số 01 phường T do ông Bành Phi H, bà Liêu Thị Long X đứng tên chủ sở hữu. Cụ thể: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường xác nhận "Đang có đơn tranh chấp tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo thông báo thụ lý vụ án số 748/TB-TLVA ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa".

Bà X cho rằng việc xác nhận này là không chính xác, thiếu trung thực, bởi lý do: Bà X đã có Quyết định số 172/2018/QĐST-DS ngày 14/06/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 626/2017/TLST-DS về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản ngoài hợp đồng" giữa ông Nguyễn Xuân H2 và bà Liêu Thị Long X. Ủy ban nhân dân phường đã tiến hành thực hiện việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Liêu Thị Long X theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật về khiếu nại.

Qua kiểm tra rà soát hồ sơ đăng ký của bà Liêu Thị Long X, ông Bành Phi H thể hiện: Vào ngày 13/06/2018, bà X, ông H có nộp đơn đăng ký, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Qua quá trình xác minh hồ sơ, tài liệu thu thập được nhận thấy: Thửa đất số 09 tờ bản đồ số 01 phường T được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 153542 ngày 29/03/2018 do ông H, bà X đứng tên chủ sở hữu. Diện tích đất này hiện đang có tranh chấp theo Thông báo thụ lý vụ án số 748/TB-TLVA ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Đến ngày 14/6/2018, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa ra Quyết định số 172/2018/QĐST-DS về tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, lý do tạm đình chỉ là "Vụ án cần đợi cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa mới giải quyết được vụ án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự". Trong Quyết định tạm đình chỉ có nêu: "Vụ án tiếp tục giải quyết khi lý do tạm đình chỉ không còn và có quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự của Tòa án".

Tại Điều 215 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về hậu quả của việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự: "1. Tòa án không xóa tên vụ án dân sự bị tạm đình chỉ giải quyết trong sổ thụ lý mà chỉ ghi chú vào sổ thụ lý số và ngày, tháng, năm của quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đó;... 4. Trong thời gian tạm đình chỉ giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án vẫn phải có trách nhiệm về việc giải quyết vụ án;...".

Tại Điều 216 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự: "Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 214 của Bộ luật này không còn thì Tòa án phải ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự và gửi quyết định đó cho

đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện, Viện kiểm sát cùng cấp. Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự. Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án kể từ khi ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự".

Vào ngày 12/07/2018, đại diện Ủy ban nhân dân phường T đã tiến hành làm việc với Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa về việc xác minh thông tin việc ông Nguyễn Xuân H2 tranh chấp quyền sử dụng đất đối với bà Liêu Thị Long X. Trong biên bản làm việc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa cung cấp thông tin: "Vụ án ông Nguyễn Xuân H2 kiện bà Liêu Thị Long X đã được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý ngày 14/12/2017. Hiện vụ án đang trong quá trình đo đạc, củng cố hồ sơ để xét xử (Đính kèm thông báo số 748/TB-TLVA ngày 14/12/2017)".

Ngày 20/07/2018 Ủy ban nhân dân phường đã có công văn trả lời kết quả đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận của bà Liêu Thị Long X. Từ những căn cứ nêu trên, cho thấy trong khoảng thời gian bà X và ông H nộp đơn đăng ký, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa vẫn đang thụ lý vụ án dân sự liên quan đến "Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản ngoài hợp đồng". Việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong trường hợp này không đồng nghĩa với việc đã giải quyết xong vụ án (không còn tranh chấp), mà là đang trong thời gian đợi cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định: "Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch. Trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất thì xác nhận hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại các Điều 31, 32, 33 và 34 của Nghị định này thì xác nhận tình trạng tranh chấp quyền sở hữu tài sản; đối với nhà ở, công trình xây dựng thì xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt; xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ... ".

Do tình trạng thửa đất số 09 tờ bản đồ số 01 phường T gắn liền với tài sản (nhà ở) lập thủ tục đăng ký đang có tranh chấp theo Thông báo thụ lý vụ án số:

748/TB-TLVA ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Vì vậy, thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương và căn cứ quy định nêu trên thì việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T xác nhận hồ sơ cho bà Liêu Thị Long X, trong mục 5, mẫu 4a/ĐK về "Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất" có ghi thông tin: "Đang có đơn tranh chấp tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo Thông báo thụ lý vụ án số 748/TB-TLVA ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa". Việc xác nhận nội dung trên là theo đúng quy định của pháp luật và theo hồ sơ, tài liệu do UBND phường thu thập được.

Do đó, việc bà X khiếu nại hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường T và cho rằng việc xác nhận này không chính xác, thiếu trung thực là không có cơ sở. Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 về việc giải quyết khiếu nại của bà Liêu Thị Long X nội dung: Không chấp nhận đơn khiếu nại của bà X, là theo đúng quy trình thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại, theo quy định của các văn bản hướng dẫn quy trình giải quyết khiếu nại, theo quy định của Luật đất đai. Vì vậy, bà X yêu cầu hủy quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND phường T là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà X.

- Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:

1. Đối với Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND phường T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu):

Ngày 16/6/2018 bà X liên hệ UBND phường T xin xác nhận Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo mẫu 4a/ĐK đề ngày 13/6/2018 cho thửa đất số 09, tờ bản đồ số 01 phường T. Nhận thấy, trường hợp bà X xin xác nhận Đơn theo mẫu 4a/ĐK tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 01 phường T đang có tranh chấp, ngày 12/7/2018 công chức địa chính phường T (ông Ngô Trọng V) đã tiến hành xác minh với Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và yêu cầu cung cấp hồ sơ liên quan. Qua đó, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thông tin vụ án hiện đang trong quá trình đo đạc, củng cố hồ sơ để xét xử (theo Thông báo thụ lý vụ án số 748/TB-TLVA ngày 14/12/2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản ngoài hợp đồng"). Ngày 14/6/2018, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa ban hành Quyết định số 172/2018/QĐST-DS quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

- Ngày 20/7/2018, UBND phường T ban hành Quyết định số 129/CV-UBND về việc trả lời kết quả giải quyết Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận của bà Liêu Thị Long X, theo đó thể hiện: Thửa đất số 9 tờ bản đồ số 01 phường T đang có tranh chấp (theo Thông báo thụ lý vụ án số 748/TB-TLVA ngày 14/12/2017) nên UBND phường T chưa xem xét giải quyết và xem xét giải quyết sau khi có bản án của Tòa án.

Ngày 24/9/2018, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh B có Văn bản số 6703/CNBH-ĐKTK về việc giải quyết hồ sơ cấp bổ sung quyền sở hữu nhà ở của ông Bành Phi H và bà Liêu Thị Long X, theo đó Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh B có ý kiến như sau: Thửa đất đang có đơn tranh chấp theo Thông báo thụ lý vụ án số 748/TB-TLVA ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, như vậy trường hợp của bà Liêu Thị Long X không đủ điều kiện thụ lý giải quyết theo quy định.

Ngày 02/10/2018, bà Liêu Thị Long X nộp đơn khiếu nại Chủ tịch UBND phường T về việc xác nhận tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất tại mục 5, mẫu tại 4a/ĐK ngày 13/9/2018.

2. Về kết quả rà soát quy trình, thủ tục, căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND phường T:

Ngày 02/10/2018, UBND phường T nhận đơn khiếu nại đề ngày 02/10/2018 của bà Liêu Thị Long X. Ngày 8/10/2018, UBND phường T tiến hành làm việc với bà X để xác định cụ thể nội dung khiếu nại, theo đó bà X xác định khiếu nại Chủ tịch UBND phường T về việc đã xác nhận mục 5, mẫu 4a/ĐK ngày 13/9/2018 về tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất là "Đang có tranh chấp theo Thông báo thụ lý vụ án số 748/TB-TLVA ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa".

Ngày 10/10/2018, UBND phường T ban hành Thông báo 13/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại (lần đầu) và ban hành Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về việc xác minh nội dung khiếu nại và thành lập Tổ xác minh đối với đơn khiếu nại đề ngày 02/10/2018 của bà X.

Ngày 5/11/2018, Tổ xác minh có báo cáo kết quả xác minh gửi Chủ tịch UBND phường T thể hiện: Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đang thụ lý vụ án dân sự về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản ngoài hợp đồng" giữa ông Nguyễn Xuân H2 và bà Liêu Thị Long X. Việc Tòa án ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự không đồng nghĩa với việc đã giải quyết xong vụ án (không còn tranh chấp), mà là đang trong

thời gian đợi cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Ngày 07/11/2018, Chủ tịch UBND phường T tổ chức đối thoại khiếu nại theo đơn đề ngày 02/10/2018 của bà X khiếu nại hành vi hành chính của Chủ tịch UBND phường T đối với việc xác nhận tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất trong mục 5, mẫu 4a/ĐK tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 01 do bà X và ông H đứng tên chủ sở hữu. Tại buổi đối thoại bà X không thống nhất ý kiến, có mặt tham gia buổi đối thoại nhưng không ký biên bản, tự ý bỏ về không lý do.

Ngày 19/11/2018, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 129/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu theo đơn đề ngày 02/10/2018 của bà X. Theo đó, bác nội dung đơn đề ngày 02/10/2018 của bà X, giữ nguyên việc xác nhận tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất của Chủ tịch UBND phường T ngày 13/9/2018 trong mục 5, mẫu 4a/ĐK đối với thửa đất số 9, tờ bản đồ số 01 do ông H, bà uyên đứng tên chủ sở hữu.

Như vậy, căn cứ theo Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đảm bảo đúng trình tự thủ tục đã quy định của pháp luật.

3. Đối với Quyết định số 5169/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại (lần hai):

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại theo Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND phường T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Bà X gửi đơn khiếu nại lần hai đề ngày 06/12/2018 đến Chủ tịch UBND thành phố B khiếu nại Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND phường T.

Ngày 20/12/2018, UBND thành phố B ban hành Văn bản số 17886/UBND-NC về việc giao Thanh tra thành phố kiểm tra, tham mưu UBND thành phố xác định điều kiện thụ lý, xem xét giải quyết khiếu nại của bà X.

Ngày 21/01/2019, Thanh tra thành phố tiến hành làm việc với bà X để xác định nội dung khiếu nại. Theo đó, nội dung khiếu nại theo đơn đề ngày 06/12/2018 của bà X là Quyết định số 129/QĐ- UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND phường T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 11/4/2019, UBND thành phố B thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai và ban hành Quyết định số 1248/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của bà X. Theo đó, Thanh tra thành phố ban hành

Quyết định số 255/QĐ-TTr ngày 11/4/2019 về phân công nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 12/4/2019 Thanh tra thành phố có Báo cáo số 50/BC-TTr về kết quả xác minh nội dung khiếu nại thể hiện: "Ngày 13/09/2018, bà Nguyễn Kim Bích H1 - Chủ tịch UBND phường T thay mặt UBND phường T ký xác nhận đơn Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, theo đó phần xác nhận tại mục 5 "Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: "Đang có đơn tranh chấp tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo thông báo thụ lý vụ án số 748/TB-TLVA ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa" là đúng với hồ sơ và trách nhiệm của UBND phường T được pháp luật quy định. Việc bà X khiếu nại cho rằng bà Nguyễn Kim Bích H1 - Chủ tịch UBND phường T ký xác nhận tại Đơn nêu trên của bà X không trung thực, thiếu chính xác và không đúng là không có căn cứ. Chủ tịch UBND phường T ký ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 là đúng quy định".

Ngày 30/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố B tổ chức đối thoại thể hiện UBND thành phố B sẽ tổng hợp rà soát hồ sơ khiếu nại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) cho hộ bà Liêu Thị Long X theo trình tự thủ tục đã quy định.

Ngày 27/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5169/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà X (lần hai). Theo đó, bác nội dung đơn khiếu nại đề ngày 06/12/2018 của bà X vì không có cơ sở xem xét, giải quyết, công nhận Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND phường T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Liêu Thị Long X là đúng quy định pháp luật.

Như vậy, căn cứ theo Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5169/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà X là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà X.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liêu Thị Long X.

Hủy Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Quyết định số 5169/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/10/2023, người khởi kiện là bà Liêu Thị Long X có đơn kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần nhận định của bản án sơ thẩm, xác định việc hủy các quyết định hành chính là do lỗi chủ quan của người bị kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dụng đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Ngày 02/10/2018, bà Liêu Thị Long X làm đơn khiếu nại gửi UBND phường T về việc đã xác nhận mục 5, mẫu 4a/ĐK ngày 13/9/2018 về tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất là "Đang có tranh chấp theo Thông báo thụ lý vụ án số 748/TB-TLVA ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa". Ngày 10/10/2018, UBND phường T ban hành Thông báo 13/TB-

UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại (lần đầu). Ngày 19/11/2018, Chủ tịch UBND phường T ban hành Quyết định số 129/QĐ-UBND bác khiếu nại của bà X, giữ nguyên việc xác nhận tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất của Chủ tịch UBND phường T ngày 13/9/2018 trong mục 5, mẫu 4a/ĐK đối với thửa đất số 9, tờ bản đồ số 01 do ông H, bà X đứng tên chủ sở hữu. Không đồng ý, bà X gửi đơn khiếu nại lần hai đề ngày 06/12/2018 đến Chủ tịch UBND thành phố B. Ngày 11/4/2019, UBND thành phố B thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai. Ngày 27/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5169/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà X (lần hai) bác nội dung đơn khiếu nại của bà X, công nhận Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND phường T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Liêu Thị Long X là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Tại Kết luận giám định số 584/KL-VPYTW ngày 19/10/2020 và Kết luận giám định số 681/KL-VPYTW ngày 01/12/2020 của V1 đối với bà X:

- Về y học: Trước, trong và sau khi gây án: Đương sự bị bệnh rối loạn nhân cách paranoide kiện cáo (F60.0-ICD.10).

Hiện nay: Đương sự bị bệnh giai đoạn trầm cảm trung bình/ Rối loạn nhân cách paranoide kiện cáo (F32.1/ F60.0-ICD.10).

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án: Đương sự hạn chế khả năng nhận thức, mất khả năng điều khiển hành vi.

Hiện nay: Đương sự bị mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

[2.3] Thời điểm bà X gây án là ngày 08/8/2019. Tại bản giải trình ngày 01/8/2022, bà X cũng xác định: "Trong thời gian này, tôi bị khủng hoảng tinh thần do hàng loạt hành vi trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Công an phường T, Công an thành phố B và các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai thành phố B… đã bao che cho gia đình ông Nguyễn Xuân H2 – bà Hồ Thị Anh T1 gây rối, hành hung gia đình tôi…Công an phường T bao che, lập hồ sơ báo cáo sai sự thật với Công an thành phố B để gây áp lực cho tôi, dẫn tới tôi bị rối loạn tâm thần phải đi khám và chữa bệnh từ giữa năm 2018" (Bút lục 366).

[2.4] Như vậy, thời điểm bà X gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân phường T và Ủy ban nhân dân thành phố B là trong thời gian bà X không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo Kết luận giám định số 584/KL-VPYTW ngày 19/10/2020 và Kết luận giám định số 681/KL-VPYTW ngày 01/12/2020 Viện pháp y tâm thần Trung ương B1.

[2.5] Tại khoản 3 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định: Các khiếu nại không được thụ lý giải quyết, trong đó có trường hợp người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp. Việc Ủy ban nhân dân thành phố B và Ủy ban nhân dân phường T thụ lý đơn khiếu nại và tổ chức đối thoại khi bà X không có người đại diện hợp pháp là vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, hủy Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Quyết định số 5169/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, đồng thời xác định do Kết luận giám định số 584/KL-VPYTW ngày 19/10/2020 và Kết luận giám định số 681/KL-VPYTW ngày 01/12/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương B1 được ban hành sau thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố B và Ủy ban nhân dân phường T giải quyết khiếu nại của bà X, đây là tình tiết mới mà Ủy ban nhân dân thành phố B và Ủy ban nhân dân phường T không thể biết được khi thụ lý và ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bà X kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần nhận định của bản án sơ thẩm, xác định việc hủy các quyết định hành chính là do lỗi chủ quan của người bị kiện là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà X và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà X phải chịu, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện Liêu Thị Long X. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng khoản 3 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liêu Thị Long X.

Hủy Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, Quyết định số 5169/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Liêu Thị Long X phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002067 ngày 23/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy